

Số: 1375 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
UBND tỉnh Nam Định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định;*

*Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc
công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực việc làm thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4836/TTr-SNV ngày
07/5/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 21 thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội
vụ (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ nội dung công bố đối với thủ tục hành chính tại số thứ tự 94 mục A lĩnh vực việc làm Phụ lục kèm theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ các Quyết định: số 1242/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; số 2089/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; số 758/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Cổng TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, TT1

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	20 ngày làm việc	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;
2	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng theo quy định.	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ;
3	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ;
4	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội;
5	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội.
6	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;

7	Giải quyết hỗ trợ học nghề	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề.	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ;
8	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội;
9	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Không	- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội.
10	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội.
11	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày

	việc làm		và XTĐT tỉnh		21/02/2025 của Chính phủ;
12	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc. - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
13	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
14	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;
15	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí	Đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên: 60 ngày làm việc; đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ;

	công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	lao động Việt Nam: 30 ngày làm việc; đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam: 15 ngày làm việc.	công, KSTTHC và XTĐT tỉnh		- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.
16	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	
17	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	600.000 đồng	- Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;
18	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	450.000 đồng	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.
19	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;

20	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;
21	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	450.000 đồng	- Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.